

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nghiên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Minh Tâm;

- Bà Đinh Thị Hoang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Nghi, là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

TRẦN THỊ M, sinh năm 1983, tại: Bình Định; nơi cư trú: thôn X, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần T và bà Nguyễn Thị Th; chồng: không có (sống chung như vợ chồng với Đặng Văn T – sinh năm 1974, cư trú thôn 2, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định); con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: có 02 tiền án: ngày 06/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; ngày 27/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; Tiền sự: vào ngày 13/8/2014, bị Công an xã A xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay vẫn chưa chấp hành; Bị cáo tại ngoại; “có mặt”.

- Bị hại: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1991; cư trú tại thôn L, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1986; cư trú tại thôn L, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; “có mặt”.

+ Anh Đặng Văn T, sinh năm 1974; cư trú tại thôn 2, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 05/4/2020, Trần Thị M đi bán cá tại chợ Hn, thị trấn A, thấy Trịnh Văn T, ở thôn L, xã A, huyện A đang chờ dao đi bán dạo nên M gọi T để đổi dao, vì con dao trước đó M mua của T không sắc (bén). Khoảng 08 giờ cùng ngày, sau khi bán hết cá, M đi về nhà, trên đường đi khi đến tiệm rèn dao của anh T, M ghé vào với mục đích đổi dao. Nhìn thấy cửa nhà trên khóa nên M dùng xe sát mép đường nhựa (ĐT629), cầm con dao và đi vào nhà dưới. M không thấy có người lớn ở nhà, chỉ thấy một cháu nhỏ khoảng 03 tuổi đang nằm xem điện thoại. Lúc này, vợ T là chị Vũ Thị Th đang ở nhà dưới. M nhìn xung quanh nhà dưới rồi bước lên nhà trên, M phát hiện có một bọc nilong màu xám bạc có hai quai, một quai treo trên đỉnh, một quai thả thông xuống, thấy bên trong có nhiều tiền nên M nảy sinh ý định trộm cắp túi tiền. M lén lút lấy bọc nilong đựng tiền, cuộn nhỏ kẹp vào nách bên phải, M không kiểm tra bên trong. M vừa lấy được tiền, thì chị Th từ nhà dưới đi lên thấy M, M nói là đi đổi dao, chị Th đưa M ra phòng trước để đổi dao. Sau khi đổi xong, M điều khiển xe máy đi về. Về tới nhà, vì sợ chị Th sẽ tìm đến nhà lấy lại số tiền đã mất, nên M lấy bọc tiền giấu ở bao đựng rác sau nhà. Sau khi M ra khỏi nhà, chị Th phát hiện bọc nilong đựng tiền bị mất nên đã trình báo với cơ quan chức năng. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày, Cơ quan chức năng đến làm việc thì Trần Thị M đã khai nhận, chỉ nơi cất giấu tiền và giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A toàn bộ số tiền 4.194.000đồng mà M đã trộm cắp của chị Th.

Vật chứng vụ án: Đã thu giữ được 4.194.000đồng, do Trần Thị M giao nộp. Số tiền này, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho người bị hại Vũ Thị Th.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSAL, ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Thị M về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự (BLHS), xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 24 đến 30 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thu thập trong quá trình điều tra, được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào sáng ngày 05/4/2020, lợi dụng sơ hở của chị Vũ Thị Th trong việc quản lý tài sản, Trần Thị M đã lén lút vào nhà chị Th lấy trộm số tiền 4.194.000đ. Trước đó, bị cáo đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản và 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Trần Thị M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ đây là tài sản của người khác, nhưng bị cáo vẫn trộm cắp. Hành vi này, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình. Bị cáo đã bị đưa đi chấp hành án phạt tù 02 lần, lẽ ra bị cáo phải thức tỉnh để tu chí làm ăn lương thiện mới đúng, nhưng do bị cáo hám lợi, lười lao động, thích hưởng thụ nên đã tái phạm. Tuy nhiên, HĐXX nhận thấy rằng tài sản đã được thu hồi đủ và trả lại cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ số tiền bị mất, không yêu cầu gì thêm, nên HĐXX miễn xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Trần Thị Mỹ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các điểm, Điều, khoản và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Thị M** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.
- Xử phạt:** Bị cáo Trần Thị M 02 (hai) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.
4. Về án phí HSST: Bị cáo Trần Thị M phải chịu 200.000 đồng.
5. Về quyền kháng cáo bản án: Án xử có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2020). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an huyện A;
- CQ THAHS Công an huyện A;
- Cơ quan THADS huyện A;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Ngọc Nghiên

